TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2017/HS-ST
Ngày: 14-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Văn Truyền

2. Ông Nguyễn Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Trên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2017/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2017/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Minh T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1996 tại Long An. Nơi cư trú: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trung T và bà Trần Thị Kim P; bản thân chưa có vợ; tiền án: Ngày 28/9/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành án xong vào ngày 28/7/2016, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 16/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành án xong vào ngày 10/01/2015, đã xóa án tích; bị bắt, tạm giam ngày 05/9/2017 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Long An (có đơn vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

2. Ông Trần Trung T, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

3. Cháu Nguyễn Vũ Yến V, sinh năm 2006 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu Vy: Chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1979 là mẹ của cháu Vy.

Cùng nơi cư trú: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Long An (có đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 19/7/2017, Trần Minh T điều khiển xe mô tô biển số 60T1-2093 chạy vòng quanh địa bàn xã T, huyện B mục đích tìm tài sản của người dân để sơ hở trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Khi bị cáo T chạy đến nhà ông Nguyễn Văn T ở ấp 5, xã T, huyện B thì thấy nhà khóa cửa không người trông coi, quan sát thấy trong vườn nhà có nhốt gà. Bị cáo T dựng xe bên ngoài đi vào trong vườn nhà, dỡ bội nhốt gà bắt trộm 01 con gà mái bỏ vào trước bụng trong áo thun bị cáo T đang mặc và tiếp tục bắt 02 con gà mái đang ấp trứng trong ổ rồi giấu gà vào áo thun đi ra nhặt lấy túi nilon bỏ gà vào lên xe chạy đi tìm chỗ bán thì bị ông T phát hiện báo lực lượng Công an xã T truy đuổi bắt giữ bị cáo T cùng tang vật là 03 con gà mái có tổng trọng lượng là 4,6kg.

Tại Biên bản định giá tài sản số 15/BB-TCKH ngày 24/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bến Lức, tiến hành định giá 03 con gà mái trọng lượng là 4,6kg trị giá 345.000 đồng.

Qua điều tra bị cáo T khai nhận vào ngày 27/5/2017, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 60T1-2093 chạy vòng quanh xã T, huyện B tìm tài sản của người dân để sơ hở trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài, khi chạy đến nhà của chị Nguyễn Thị Thủy T ở ấp 6, xã T, thấy nhà không có ai trông giữ, bị cáo T

dựng xe mô tô bên ngoài, đi bộ vào nhà thấy cửa trước khóa, cửa sau bằng gỗ đang khép không có khóa, bị cáo T lén lút mở cửa sau đột nhập vào nhà, đi vào phòng ngủ lục soát tủ quần áo tìm tài sản, thì phát hiện một cái ví da đang treo trên cửa tủ, bị cáo T mở ví lấy trộm 450.000đ bỏ vào túi quần jean, tiếp tục mở tủ tìm tài sản nhưng bị cháu Nguyễn Vũ Yến V là con của chị T phát hiện thì bị cáo T nói là đi tìm thợ sửa xe, rồi bỏ chạy ra ngoài, V báo cho chị T biết sự việc, chị T đến công an xã T trình báo sự việc.

Tại cáo trạng số 77/QĐ-KSĐT ngày 24-10-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố Trần Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi một phần trả lại cho chủ sở hữu, giá trị tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên xem xét giảm cho bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Minh T từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng", do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ việc xảy ra, bị hại ông Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến. Bị hại chị Nguyễn Thị Thủy T không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền bị mất nên không đề cập đến.

Về vật chứng:

- 03 con gà mái, bị cáo T trộm của ông T, hiện Cơ quan điều tra đã trả lại gà cho ông T là phù hợp;

- 01 xe mô tô biển số 60T1-2093 của ông Trần Trung T (cha bị cáo T) mua lại của ông Nguyễn Văn D chưa làm thủ tục sang tên. Ông Trần Trung T để trong nhà, bị cáo T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, ông Trần Trung T không biết, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Trần Trung T là phù hợp;

- 01 điện thoại di động Nokia màu xám xanh của bị cáo T mang theo bên người là của ông Trần Trung T (cha bị cáo T), hiện Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo không tranh luận. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, Biên bản định giá tài sản và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Trần Minh T là người đã thành niên, có đủ sức khỏe làm việc để tạo thu nhập cho bản thân nhưng với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi nên bị cáo đã nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nên vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 19/7/2017, Trần Minh T điều khiển xe mô tô biển số 60T1-2093 đến nhà ông Nguyễn Văn T ở ấp 5, xã T, huyện B, lén lút bắt trộm 03 con gà mái, có tổng trọng lượng là 4,6kg, trị giá 345.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày 27/5/2017 bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 60T1-2093 đến nhà của chị Nguyễn Thị Thủy T ở ấp 6, xã T đột nhập vào nhà chị T lén lút lấy trộm 450.000đ. Tuy giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt dưới hai triệu đồng nhưng ngày 28/9/2015, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành án xong vào ngày 28/7/2016. Đối chiếu với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999,

sửa đổi bổ sung năm 2009 và điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015 thì bị cáo chưa được xóa án tích mà còn phạm tội mới nên đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[4] Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi, muốn có tiền để tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động của mình làm ra nên bị cáo nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nhằm phục vụ thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

[5] Hành vi của bị cáo thực hiện do lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Bị cáo cũng thừa biết tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu. Bị cáo cũng nhận biết việc lén lút lấy trộm tài sản của ông Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thủy T là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam nên bị cáo bất chấp. Hơn nữa, bị cáo đã bị Tòa án kết án mà không biết từ bỏ lại tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội, chứng tỏ bị cáo đã xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân bất bình, hoang mang, lo sợ. Do đó cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt thỏa đáng mới có thể giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Tuy nhiên, cần xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã thu hồi một phần trả lại cho chủ sở hữu, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên xem xét giảm cho bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Cũng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng", do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung

là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ việc xảy ra, bị hại ông Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến. Tại đơn xin xét xử vắng mặt và biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, bị hại chị Nguyễn Thị Thủy T xét thấy bị cáo bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không yêu cầu bị cáo bị cáo T phải bồi thường số tiền 450.000đ bị mất. Xét thấy sự tự nguyện của chị T là phù hợp nên chấp nhận.

[9] Về vật chứng:

- 03 con gà mái, bị cáo T trộm của ông T, hiện Cơ quan điều tra đã trả lại gà cho ông T là phù hợp;

- 01 xe mô tô biển số 60T1-2093 của ông Trần Trung T (cha bị cáo T) mua lại của ông Nguyễn Văn D chưa làm thủ tục sang tên. Ông Trần Trung T để trong nhà, bị cáo T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, ông Trần Trung T không biết, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Trần Trung T là phù hợp;

- 01 điện thoại di động Nokia màu xám xanh của bị cáo T mang theo bên người là của ông Trần Trung T (cha bị cáo T), hiện Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo Trần Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138, điểm g, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 45, Điều 33 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Minh T 09 tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày 05-9-2017.

2. Áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Minh T trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 14-11-2017 để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Trần Minh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Dương Ngọc Thành